

Số: 3467/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tổ chức học tập tiếng Anh và tiếng Khmer
cho lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030";

Căn cứ Kế hoạch số 1844/KH-BQP ngày 27/5/2020 của Bộ Quốc phòng về thực hiện Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030" trong Quân đội;

Căn cứ Kế hoạch số 2792/KH-BTL ngày 22/9/2020 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về thực hiện Chỉ thị 105/CT-BQP ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại Tờ trình số 3879 /TTr-BCH ngày 09 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức học tập tiếng Anh và tiếng Khmer cho lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao, báo cáo UBND tỉnh đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Ngoại vụ, Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BTM Quân khu 7;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LDVP, P.NC;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng



KẾ HOẠCH

Tổ chức học tập tiếng Anh và tiếng Khmer cho lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2021-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Kế hoạch số 1844/KH-BQP ngày 27/5/2020 của Bộ Quốc phòng về thực hiện Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030" trong Quân đội;

Căn cứ Kế hoạch số 2792/KH-BTL ngày 22/9/2020 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về thực hiện Chỉ thị số 105/CT-BQP ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tăng cường học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số trong toàn quân đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xây dựng kế hoạch tổ chức học tập tiếng Anh và tiếng Khmer cho lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2021-2030 như sau:

I. THỰC TRẠNG

Trong những năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức toàn diện cho cán bộ trong Quân đội luôn được cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc theo hướng chuẩn hóa cán bộ, phục vụ cho nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Trong đó, học tập ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quan tâm, xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong tình hình mới và hội nhập quốc tế.

Trình độ chung của đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang tỉnh hiện nay: Thạc sĩ chiếm 1,76%, chuyên khoa 1 chiếm 1%, Chuyên khoa 2 chiếm 0,25%, đại học chiếm 55,42%, cao đẳng, chiếm 29,22%, tốt nghiệp trung học phổ thông chiếm 11,84%.

Trình độ tiếng Anh: Đa số cán bộ đều đã được học tiếng Anh cơ bản theo chương trình giảng dạy của các trường trong và ngoài Quân đội, một số đồng chí có khả năng đọc hiểu, nghe, nói được tiếng Anh. Tuy nhiên số cán bộ có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn, có chứng chỉ chính thức đạt 2,84 %.

Trình độ tiếng Khmer: Có 36,95% cán bộ lực lượng vũ trang tỉnh được học tập, bồi dưỡng tiếng Khmer được cấp chứng chỉ. Riêng Ban Chỉ huy Quân sự 05 huyện, thị xã biên giới có 64,88%; các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan/Bộ chỉ huy có 33,04% cán bộ thuộc quyền được học tập, bồi dưỡng tiếng Khmer.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh và tiếng Khmer cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp (gọi tắt là cán bộ) đáp ứng tiêu chuẩn chức danh cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại quân sự, quốc phòng, sử dụng tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật

hiện đại trong lực lượng vũ trang tỉnh.

2. Yêu cầu

- Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, địa phương, đơn vị nâng cao trách nhiệm, chủ động sáng tạo trong quán triệt, triển khai thực hiện kế hoạch hiệu quả, thiết thực.

- Đẩy mạnh hoạt động học tập, bồi dưỡng tiếng Anh và tiếng Khmer gắn với thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cán bộ học tập nâng cao trình độ tiếng Anh và tiếng Khmer.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng vũ trang tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn chức danh cán bộ theo quy định.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh và tiếng Khmer trong thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, đối ngoại quân sự, quốc phòng và làm nhiệm vụ trên địa bàn có đông bào dân tộc Khmer sinh sống.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Học tập, bồi dưỡng tiếng Anh

a) Đến năm 2025:

- Cán bộ dưới 40 tuổi đều đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 trở lên, gồm:

+ 01 đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (tương đương 16,67%).

+ 10-20% chỉ huy từ cấp đại đội đến trung đoàn và Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố, các phòng, ban/Bộ Chỉ huy.

+ 20-30% cán bộ thuộc Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã biên giới.

+ 30-40% cán bộ thuộc các ban: Khoa học Quân sự, Thông tin, Quân báo Trinh sát và trợ lý làm công tác đối ngoại.

b) Đến năm 2030:

- Cán bộ dưới 40 tuổi đều đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 trở lên, gồm:

+ 02 đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (tương đương 33,33%).

+ 20-30% chỉ huy từ cấp đại đội đến trung đoàn và Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố, các phòng, ban/Bộ Chỉ huy.

+ 30-40% cán bộ thuộc Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã biên giới.

+ 50-60% cán bộ thuộc các ban: Khoa học Quân sự, Thông tin, Quân báo Trinh sát và trợ lý làm công tác đối ngoại.

2.2. Học tập, bồi dưỡng tiếng Khmer

a) Đến năm 2025: 80% cán bộ tiếp xúc làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc Khmer được bồi dưỡng tiếng Khmer; trong đó 60% trở lên cán bộ ở các huyện, thị xã biên giới, 30% trở lên cán bộ ở các huyện, thị xã, thành phố nội địa giao tiếp được bằng tiếng Khmer.

b) Đến năm 2030: 100% cán bộ tiếp xúc làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc Khmer được bồi dưỡng tiếng Khmer; trong đó 90% trở lên cán bộ ở các huyện, thị xã biên giới, 60% trở lên cán bộ ở các huyện, thị xã, thành phố nội địa giao tiếp được bằng tiếng Khmer.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG

1. Nội dung: Học tập, bồi dưỡng tiếng Anh và tiếng Khmer cho cán bộ lực lượng vũ trang tỉnh.

2. Hình thức: Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức các lớp học tập trung hoặc theo hình thức học tập trực tuyến.

3. Đối tượng: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang tỉnh.

V. THỜI GIAN

1. Giai đoạn 2021-2025

1.1. Tiếng Anh: Mở 05 lớp. Trong đó:

- Năm 2022 mở 02 lớp:

+ 01 lớp 45 đ/c: Học bậc 2, thời gian học 6 tháng (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

+ 01 lớp 40 đ/c: Học bậc 2, thời gian học 6 tháng (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

- Năm 2023 mở 02 lớp:

+ 01 lớp 40 đ/c: Học bậc 2, thời gian học 6 tháng (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

+ 01 lớp 40 đ/c: Học bậc 4, thời gian học 1 năm (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

- Năm 2024: 01 lớp 40 đ/c: Học bậc 4, thời gian học 1 năm (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

1.2. Tiếng Khmer: Năm 2021 đang mở 01 lớp 46 đ/c (Thực hiện theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu đào tạo năm 2021 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh).

2. Giai đoạn 2026-2030

2.1. Tiếng Anh: Mở 03 lớp. Trong đó:

- Năm 2026: 01 lớp 40 đ/c: Học bậc 4, thời gian học 1 năm (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

- Năm 2027: 01 lớp, mỗi lớp 40 đ/c: Học bậc 3, thời gian học 9 tháng. (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

- Năm 2028: 01 lớp, mỗi lớp 40 đ/c: Học bậc 3, thời gian học 9 tháng. (Học 2 buổi, 8 tiết/tuần).

2.2. Tiếng Khmer: Mở 02 lớp. Trong đó:

- Năm 2028: 01 lớp 44 đ/c. Thời gian học 4,5 tháng.

- Năm 2029: 01 lớp 44 đ/c. Thời gian học 4,5 tháng.

VI. ĐỊA ĐIỂM

1. Học tiếng Anh: Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh.

2. Học tiếng Khmer

- Địa điểm 1: Học tại huyện Gò Dầu (Đối với các huyện, thị xã: Bến Cầu, Trảng Bàng, Gò Dầu, Hòa Thành).

- Địa điểm 2: Học tại Sở chỉ huy/eBB174 (Đối với các huyện, thành phố: Tân Châu, Tân Biên, Châu Thành, Dương Minh Châu, Thành phố Tây Ninh; eBB174 và cơ quan/BCH).

(Thời gian, địa điểm, danh sách cụ thể của từng lớp học có kế hoạch riêng).

VII. KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí: 1.704.391.000 đồng. Làm tròn 1.705.000.000 đồng (Một tỉ, bảy trăm, linh năm triệu đồng).

1.1. Giai đoạn 2021-2025: 846.215.000 đồng.

1.2. Giai đoạn 2026-2030: 858.176.000 đồng.

2. Phân kỳ thực hiện

- Năm 2021: Kinh phí đã được phân bổ năm 2021 (Theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu đào tạo năm 2021 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh).

- Năm 2022: 235.135.000 đ.

- Năm 2023: 361.160.000 đ.

- Năm 2024: 249.920.000 đ.

- Năm 2026: 249.920.000 đ.

- Năm 2027: 175.520.000 đ.

- Năm 2028: 304.128.000 đ.

- Năm 2029: 128.608.000 đ.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương phân bổ cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- Hằng năm, phối hợp với các sở, ngành xây dựng kế hoạch mở lớp học cho từng đối tượng, lập dự toán kinh phí bảo đảm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ra quyết định cử cán bộ tham gia các lớp học đúng đối tượng, đạt chỉ tiêu theo kế hoạch.

- Chuẩn bị tốt các mặt bảo đảm, tổ chức, theo dõi, quản lý, sơ, tổng kết rút kinh nghiệm các lớp học theo giai đoạn 5 năm, 10 năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo dõi kết quả tổ chức các lớp học ngoại ngữ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh để tổng hợp báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thống nhất nội dung chương trình, thời gian, địa điểm, kinh phí tổ chức các lớp học tiếng Anh; phân công giáo viên giảng dạy, quản lý, kiểm tra theo dõi các lớp học.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có đủ chức năng pháp lý để tổ chức kiểm tra, chấm điểm, cấp giấy chứng nhận cho học viên sau khi tốt nghiệp theo quy định của ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ công tác mở lớp học tiếng Anh theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

4. Sở ngoại vụ

Phân công giáo viên giảng dạy tiếng Khmer theo hiệp đồng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán bảo đảm cho các lớp học của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn thanh, quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài Chính và các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu đào tạo thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

Yêu cầu các sở, ngành phối hợp, triển khai thực hiện./.

Phụ lục**KHÁI TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC HỌC TẬP TIẾNG ANH VÀ TIẾNG KHMER CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2030****I. GIAI ĐOẠN 2021-2025****1. Năm 2021:** Kinh phí đã được phân bổ.

a) Học tiếng Anh: Không mở lớp.

b) Học tiếng Khmer: Mở 1 lớp: 46 đ/c, học 4,5 tháng: Kinh phí lớp học này thuộc Kế hoạch học tiếng Khmer giai đoạn 2016-2020 được tiếp tục kéo dài trong năm 2021.

2. Năm 2022: 235.135.000 đ

a) Học tiếng Anh: 02 lớp: 235.135.000 đ

*** Lớp 1: 45 đ/c, học bậc 2: 123.895.000 đ**

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 160 tiết)	800.000 đ/học viên x 45 học viên	36.000.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 45 học viên x 3 lần	20.250.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện chứng chỉ bậc 2 (A2): 131.000 đ/quyển x 45 quyển	5.895.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	10.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 2	1.150.000 đ/1 học viên x 45 học viên	51.750.000 đ
+	Tổng cộng		123.895.000 đ

*** Lớp 2: 40 đ/c, học bậc 2: 111.240.000 đ**

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 160 tiết)	800.000 đ/học viên x 40 học viên	32.000.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 3 lần	18.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện chứng chỉ bậc 2 (A2): 131.000 đ/quyển x 40 quyển	5.240.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	10.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 2	1.150.000 đ/1 học viên x 40 học viên	46.000.000 đ
+	Tổng cộng		111.240.000 đ

b) Học tiếng Khmer: Không mở lớp.

3. Năm 2023: 361.160.000 đ, gồm:a) Học tiếng Anh: 02 lớp: **361.160.000 đ.***** Lớp 1: 40 đ/c, học bậc 2: 111.240.000 đ**

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 160 tiết)	800.000 đ/học viên x 40 học viên	32.000.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 3 lần	18.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện chứng chỉ bậc 2 (A2): 131.000 đ/quyển x 40 quyển	5.240.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	10.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 2	1.150.000 đ/1 học viên x 40 học viên	46.000.000 đ
+	Tổng cộng		111.240.000 đ

*** Lớp 2: 40 đ/c, học bậc 4: 249.920.000 đ**

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 320 tiết)	2.880.000 đ/học viên x 40 học viên	115.200.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 5 lần	30.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện chứng chỉ (bậc 4) B2: 218.000 đ/quyển x 40 quyển	8.720.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	12.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 4	2.100.000 đ/1 học viên x 40 học viên	84.000.000 đ
+	Tổng cộng		249.920.000 đ

b) Học tiếng Khmer: Không mở lớp.

4. Năm 2024: 249.920.000 đ

a) Học tiếng Anh: Lớp 40 đ/c, học bậc 4: 249.920.000 đ

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 320 tiết)	2.880.000 đ/học viên x 40 học viên	115.200.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 5 lần	30.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện chứng chỉ (bậc 4) B2: 218.000 đ/quyển x 40 quyển	8.720.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	12.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 4	2.100.000 đ/1 học viên x 40 học viên	84.000.000 đ
+	Tổng cộng		249.920.000 đ

b) Tiếng Khmer: Không mở lớp.

II. GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Năm 2026: 249.920.000 đ.

a) Học tiếng Anh: 01 lớp 40 đ/c, học bậc 4: 249.920.000 đ

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 320 tiết)	2.880.000 đ/học viên x 40 học viên	115.200.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 5 lần	30.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện bậc 4: 218.000 đ x 40 quyển	8.720.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	12.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 4	2.100.000 đ/1 học viên x 40 học viên	84.000.000 đ
+	Tổng cộng		249.920.000 đ

b) Tiếng Khmer: Không mở lớp

2. Năm 2027: 175.520.000 đ.

a) Học tiếng Anh: 01 lớp 40 đ/c, học bậc 3: 175.520.000 đ

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 240 tiết)	2.160.000 đ/học viên x 40 học viên	86.400.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 4 lần	24.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện bậc 3: 178.000 đ x 40 quyển	7.120.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	12.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 3	1.150.000 đ/1 học viên x 40 học viên	46.000.000 đ
+	Tổng cộng		175.520.000 đ

b) Tiếng Khmer: Không mở lớp.

3. Năm 2028: 304.128.000 đ

a) Học tiếng Anh: 01 lớp 40 đ/c, học bậc 3: 175.520.000 đ

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
1	Học với giáo viên người Việt Nam (Thời gian 240 tiết)	2.160.000 đ/học viên x 40 học viên	86.400.000 đ
2	Luyện giao tiếp với giáo viên người nước ngoài 2 giờ/lần	150.000 đ/1 học viên x 40 học viên x 4 lần	24.000.000 đ
3	Tài liệu học tập	Sách luyện bậc 3: 178.000 đ x 40 quyển	7.120.000 đ
4	Vật chất phục vụ giảng dạy	Phấn, viết, sổ theo dõi...	12.000.000 đ
5	Lệ phí thi bậc 3	1.150.000 đ/1 học viên x 40 học viên	46.000.000 đ
+	Tổng cộng		175.520.000 đ

b) Học tiếng Khmer: Mở 1 lớp: 44 đ/c, học 4,5 tháng: **128.608.000 đ**

STT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
I	Tài liệu		13.794.000đ
1	Sách Tiếng Khmer tập 1	204 trang x 300đ/trang x 44 học viên	2.692.800đ
2	Sách Tiếng Khmer tập 2	195 trang x 300đ/trang x 44 học viên	2.574.000đ
3	Sách đàm thoại Khmer tập 1	218 trang x 300đ/trang x 44 học viên	2.877.600đ
4	Sách đàm thoại Khmer tập 2	208 trang x 300đ/trang x 44 học viên	2.745.600đ
5	Từ điển Việt - Khmer	200 trang x 300đ/trang x 44 học viên	2.904.000đ
II	Chi phí giáo viên		47.000.000đ
1	Giảng dạy	70.000đ/tiết x 600 tiết	42.000.000đ
2	Nước uống	10.000đ/ngày x 100 ngày	1.000.000đ
3	Xăng	40.000đ/ngày x 100 ngày	4.000.000đ
III	Chi phí kiểm tra, thi		5.134.000đ
1	Kiểm tra giữa học kỳ	120.000đ x 02 người x 03 lần	720.000đ
2	Kiểm tra giữa học kỳ		4.414.000đ
2.1	Ra đề và kiểm tra thi	150.000đ/đề x 05 đề	750.000đ
2.2	Trưởng ban coi thi	160.000đ/người x 01 người	160.000đ
2.3	Phó Trưởng ban coi thi	150.000đ/người x 01 người	150.000đ
2.4	Ủy viên coi thi	120.000đ/người x 02 người	240.000đ
2.5	Giám thị coi thi môn viết	120.000đ/người x 04 người	480.000đ
2.6	Giám thị coi thi môn nói	120.000đ/người x 04 người	480.000đ
2.7	Chấm thi	9.000đ/bài x 44 bài x 04 lần	1.584.000đ
2.8	Văn phòng phẩm kiểm tra, thi		370.000đ
2.9	Nước uống hội đồng thi...		200.000đ
IV	Chi phí cơ sở vật chất		3.880.000đ
1	Giấy chứng nhận	20.000đ/giấy x 44 giấy	880.000đ
2	Quản lý của TT GDTX		3.000.000đ
V	Chi phí khác		58.800.000đ
1	Đi học tập thực tế	1.200.000đ/học viên x 44 học viên	52.800.000đ
2	Nước uống học viên	20.000đ/ngày x 100 ngày	2.000.000đ
3	Khai giảng, bế giảng	1.000.000đ x 02 lần	2.000.000đ
+	Tổng cộng:		128.608.000đ

4. Năm 2029: 128.608.000 đ.

a) Tiếng Anh: Không mở lớp

b) Tiếng Khmer: Mở 01 lớp : **128.608.000 đ./.**